

Số: /QĐ-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Đại Cương, huyện Kim Bảng

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc Ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư ngoài Khu công nghiệp thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ biên bản họp hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Đại Cương, huyện Kim Bảng ngày 21 tháng 02 năm 2024;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Đại Cương, huyện Kim Bảng của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Kim Bảng tại văn bản số 229/CV-BQLDA ngày 12 tháng 7 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường tại Văn bản số 102/CCMT-TĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Đại Cường, huyện Kim Bảng (*sau đây gọi là dự án*) của Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng (*sau đây gọi là Chủ dự án*) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (*để báo cáo*);
- UBND tỉnh (*để báo cáo*);
- Trung tâm TT,DL và PTQĐ (*để đăng Web*);
- UBND huyện Kim Bảng (*chủ dự án*);
- Ban QLDA ĐTXD h.Kim Bảng (*đại diện chủ dự án*);
- UBND xã Đại Cường;
- Lưu: VT, MT, HS.

GIÁM ĐỐC

Phạm Chí Thống

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Đại
Cương, huyện Kim Bảng**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STN&MT ngày tháng năm 2024 của
Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nam)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Đại Cương, huyện Kim Bảng.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.
- Chủ dự án: Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng.
- Đại diện chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Kim Bảng (Theo Văn bản số 2841/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng về việc giao nhiệm vụ làm đại diện chủ đầu tư một số dự án).
- Địa chỉ liên hệ: Thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô của dự án

* Phạm vi của dự án:

- Vị trí thực hiện dự án: xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
- Tổng diện tích thực hiện dự án khoảng 29.421 m² (trong đó: đất trồng lúa khoảng 11.189,4 m²; đất nương nước, ao là 9.512,59 m²; đất vườn bờ đất khoảng 6.886,11 m²; đất giao thông hiện trạng khoảng 1.832,9 m²).
- Phạm vi thực hiện dự án: san nền, đường giao thông; hệ thống thoát nước mưa và hoàn trả kênh mương; hệ thống thoát nước thải và trạm xử lý nước thải tạm thời; hệ thống cấp nước sạch và cấp nước PCCC; hệ thống cấp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng đường giao thông.

* Quy mô của dự án:

- Quy mô sử dụng đất là 29.421 m², cụ thể cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch chi tiết như sau:

STT	Cơ cấu sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở mới	11.074,19	37,6
2	Đất nhà văn hóa	1.217,45	4,1
3	Đất cây xanh	1.251,7	4,3
4	Đất bãi đỗ xe	1.251,7	4,3
5	Đất đường giao thông	14.625,96	49,7
	Tổng cộng	29.421	100

- Quy mô dân số khoảng 408 người với 102 lô đất ở liền kề.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình chính: San nền, đường giao thông; hệ thống thoát nước mưa và hoàn trả kênh mương; hệ thống thoát nước thải và Trạm xử lý nước thải tạm thời công suất 50 m³/ngày.đêm; hệ thống cấp nước sạch và cấp nước PCCC; hệ thống cấp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng đường giao thông.

- Các hạng mục công trình phụ trợ: 01 nhà điều hành, 01 kho chứa vật tư, 01 lán trại công nhân; 01 kho chứa chất thải nguy hại; 01 khu vực tập kết vật tư, máy móc, thiết bị; 01 nhà vệ sinh di động; 01 trạm phun rửa xe và 01 bể xử lý nước thải rửa xe.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án yêu cầu phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 11.189,4 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

* Hạng mục công trình: San nền, đường giao thông; hệ thống thoát nước mưa và hoàn trả kênh mương; hệ thống thoát nước thải và Trạm xử lý nước thải tạm thời công suất 50 m³/ngày.đêm; cấp nước sạch và cấp nước PCCC; hệ thống cấp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng đường giao thông.

* *Các hoạt động chủ yếu phát sinh chất thải gồm:*

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, bóc tách đất hữu cơ, đào đất không thích hợp trước khi san nền.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

- Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công xây dựng.

- Hoạt động vận chuyển đồ thải, vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ quá trình thi công xây dựng.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng.

* *Các tác động liên quan đến chất thải:*

- Bụi và khí thải (SO_2 , CO , NO_2 , $VOC...$) phát sinh từ quá trình san nền, hoạt động vận chuyển đồ thải, nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc thiết bị phục vụ thi công dự án.

- Nước thải gồm: Nước thải sinh hoạt của công nhân; Nước thải rửa xe; Nước mưa chảy tràn.

- Chất thải rắn thông thường: Rác thải từ phát quang thảm thực vật; rác thải sinh hoạt của công nhân; chất thải rắn xây dựng; đất hữu cơ bóc tách, bùn, đất đào không thích hợp bóc tách từ dự án.

- Chất thải nguy hại.

* *Các tác động không liên quan đến chất thải:* Tiếng ồn, độ rung.

2.2. Giai đoạn hoạt động

- Các hoạt động chủ yếu phát sinh chất thải: Hoạt động của các phương tiện giao thông; hoạt động xây dựng, cải tạo sửa chữa nhà dân, hoạt động sinh hoạt của cư dân trong khu vực dự án; hoạt động của trạm xử lý nước thải tạm thời.

- Chất thải phát sinh bao gồm:

+ Bụi và khí thải (SO_2 , CO , NO_2 , VOC ...) phát sinh từ hoạt động giao thông đi lại của người dân, từ hệ thống điều hòa, từ hoạt động xây dựng, sửa chữa nhà ở của người dân.

+ Mùi từ hoạt động nấu nướng của dân cư.

+ Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.

+ Chất thải rắn thông thường.

+ Chất thải rắn sinh hoạt.

+ Chất thải nguy hại.

- Tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung, an toàn giao thông,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

** Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải*

- Nước thải sinh hoạt của công nhân khoảng $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (nước thải đen $1 \text{ m}^3/\text{ngày}$, nước thải xám là $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$). Thành phần: TSS, BOD_5 , COD, NH_4^+ , NO_3^- , PO_4^{3-} , Dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- Nước thải rửa xe với lưu lượng khoảng $3,36 \text{ m}^3/\text{ngày}$, nước thải thi công rửa dụng cụ $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng phát sinh khoảng $0,245 \text{ m}^3/\text{s}$. Thành phần chủ yếu chứa bùn đất, cát.

** Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi và khí thải*

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện vận tải, máy móc thi công do tiêu thụ nhiên liệu (dầu DO). Thành phần ô nhiễm chính: Bụi, SO_2 , CO , NO_x , VOC.

- Bụi, SO_2 , NO_x , CO từ quá trình thi công xây dựng: Hoạt động phát quang thực vật, san, gạt đất đá; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu; hàn kết cấu kim loại, quá trình thi công mặt đường láng nhựa, quá trình sơn kẻ đường...

3.1.2. Giai đoạn hoạt động

** Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải*

- Tổng khối lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của khu dân cư khoảng $43,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần: TSS, BOD_5 , COD, NH_4^+ , NO_3^- , PO_4^{3-} , Dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng phát sinh khoảng $0,5 \text{ m}^3/\text{s}$. Thành phần chủ yếu chứa bùn đất, cát.

** Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi và khí thải*

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông. Thành phần: Bụi; SO_2 ; NO_x ; CO ; VOC.

- Mùi phát sinh do quá trình chế biến thức ăn. Thành phần chủ yếu là khí

CO₂, hơi nước, mùi thức ăn,...

- Hoạt động của điều hoà không khí: phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính nhưng không đáng kể.

- Bụi từ hoạt động thi công xây dựng, cải tạo sửa chữa nhà ở, công trình của dân cư.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- *Chất thải rắn thông thường:*

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang sinh khối khoảng 3 tấn/quá trình.

Thành phần: Thân, gốc, rễ, lá cây.

+ Khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng của dự án khoảng 7,62 tấn/quá trình. Thành phần các chất thải rắn gồm vỏ bao xi măng, đầu mẩu gỗ cốp pha, đất đá, cát, sỏi rơi vãi, gạch vỡ,....

+ Khối lượng đất hữu cơ bóc tách bề mặt khu vực đất trồng lúa khoảng 3.318,54m³, đất đá không thích hợp đào trong phạm vi thực hiện dự án khoảng 8.577,04 m³ (trong đó: khối lượng đất bóc hữu cơ mặt ruộng tận dụng vào khu vực cây xanh là 1.515,43 m³; khối lượng đất, đá, không thích hợp tận dụng san nền dự án là 4.923,46m³).

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Khối lượng phát sinh khoảng 25 kg/ngày. Thành phần: Các chất hữu cơ (thực phẩm thừa, vỏ rau, củ, quả...), chất vô cơ (giấy vụn các loại, nilon, nhựa, kim loại,...).

- *Chất thải nguy hại:* Khối lượng phát sinh khoảng 482 kg/quá trình. Thành phần: vỏ thùng sơn thải; giẻ lau dính dầu mỡ, sơn, vật liệu thấm dầu thải; dầu mỡ thải; thùng chứa dầu thải; đầu mẩu que hàn thải.

3.2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 363,09 kg/ngày (trong đó: rác thải sinh hoạt khoảng 326,4 kg/ngày; rác thải công cộng khoảng 36,69 kg/ngày). Thành phần gồm: thức ăn thừa, giấy các loại, nilon, vỏ chai lọ,...

- Chất thải từ trạm xử lý nước thải là bùn thải khoảng 476,3kg/năm.

- *Chất thải rắn phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, cải tạo sửa chữa nhà ở của người dân:* Khối lượng rác thải phát sinh khoảng 20 kg/ngày/hộ dân.

- *Chất thải nguy hại:* Khối lượng phát sinh từ khu dân cư khoảng 51 kg/năm. Thành phần: sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại; giẻ lau dính dầu; các loại dầu mỡ thải; thiết bị, linh kiện điện tử thải; chất tẩy rửa thải, pin, ắc quy thải, Vỏ bao bì chứa hoá chất BVTV và diệt trừ các loài gây hại thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn, độ rung do các xe vận chuyển nguyên vật liệu, đất không thích hợp các máy móc và phương tiện thi công xây dựng trên công trường.

3.3.2. Giai đoạn vận hành dự án

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, thiết bị điều hòa không khí, màn hình ti vi, máy bơm nước,...

3.4. Các tác động khác

- Các rủi ro sự cố trong giai đoạn thi công và hoạt động của dự án như: Sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố hệ thống xử lý nước thải bị hỏng không hoạt động...

- Tác động đến hệ thống tiêu, thoát nước khu vực.

- Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội khu vực.

- Tác động đến hoạt động giao thông của khu vực.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng

* Biện pháp thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động dạng nhà container 04 phòng 20 feet, 02 bồn chứa chất thải với dung tích là 4m³/bồn để lưu chứa nước thải sinh hoạt phát sinh. Định kỳ thuê đơn vị đủ chức năng hút và đem đi xử lý với tần suất 03 ngày/lần hoặc khi đầy.

- Nước thải rửa xe và thi công: Bể xử lý 02 ngăn có kích thước dài x rộng x cao = 4,24x2,84x1,5 (m) để lắng đất, cát và xử lý váng dầu. Nước sau xử lý được tái sử dụng không xả ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Khu vực tập kết nguyên vật liệu và phế thải xây dựng được che chắn, tránh rửa trôi làm tắc hệ thống thoát nước; thường xuyên dọn dẹp vệ sinh mặt bằng thi công sạch sẽ hàng ngày tránh đất, đá chất bẩn rơi vãi cuốn theo nước mưa.

+ Do dự án chiếm dụng nương đất hiện trạng, khi tiến hành triển khai dự án phải hoàn trả nương đất hiện trạng bằng rãnh B1000 (chiều dài 277m), cống chịu lực A1000 (chiều dài 76m) và cống BTCT D1000 (chiều dài 20,5m), rãnh B400 (chiều dài 983m).

* Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải

- Bố trí 01 trạm rửa xe ở khu vực cổng vào của dự án (phía Bắc dự án) để rửa xe trước khi ra khỏi công trường thi công.

- Bố trí công nhân quét dọn vật liệu, đất đá rơi vãi, phun nước giảm thiểu bụi với tần suất 4 lần/ngày tại các tuyến đường vận chuyển chính của dự án đi từ đường ĐH02 ra đường quốc lộ 38 phía Bắc dự án.

- Bố trí che chắn hoặc phủ kín khu vực nguyên liệu bằng bạt khu vực bãi tập kết vật liệu xây dựng có khả năng phát tán bụi.

- Bố trí tường chắn tôn cao khoảng 2,5 m bao quanh khu vực dự án đang thi công để giảm thiểu ảnh hưởng bụi, tiếng ồn đến người dân xung quanh dự án.

- Ô tô chuyên chở nguyên vật liệu vận chuyển đổ thải là các loại xe được đăng kiểm theo quy định, có bạt che phủ, không chở quá tải, không làm rơi vãi đất đá, nguyên vật liệu chạy đúng tốc độ quy định.

- Không sử dụng máy móc thiết bị quá cũ trong thi công.
- Không hoạt động vào các giờ cao điểm về mật độ giao thông.

4.1.2. Trong giai đoạn hoạt động

** Biện pháp thu gom và xử lý nước thải*

- Hệ thống thoát nước thải xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa;
- Biện pháp thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Biện pháp thu gom, xử lý nước thải theo quy hoạch: Toàn bộ nước thải của từng khu được thu bằng các hố ga ở trên vỉa hè sau đó được vận chuyển đi bằng các tuyến cống HDPE D300, D400 rồi thu gom theo phương pháp tự chảy về phía Đông Nam của dự án sau đó đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch chung đô thị Kim Bảng. Hiện tại khi hệ thống trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch chưa đi vào hoạt động, do vậy chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tạm thời trong khu vực dự án để xử lý nước thải sinh hoạt cho dự án.

+ Biện pháp xử lý nước thải tạm thời: Khi hệ thống thoát nước thải chung và trạm xử lý nước thải tập trung chưa hoàn thiện, chủ đầu tư có phương án xử lý nước thải tạm thời như sau: bố trí cụm bể xử lý nước thải dạng composite đặt phía Đông Nam của dự án với công suất xử lý khoảng 50m³/ngày.đêm (xử lý 100% nước thải cho 102 hộ dân và 01 nhà văn hóa, với lưu lượng khoảng 43,5m³/ngày.đêm). Quy trình xử lý nước thải như sau: Nước thải sinh hoạt (nước thải nhà vệ sinh) → hệ thống đường ống thu gom → hố ga → ngăn điều hòa → ngăn thiếu khí → ngăn hiếu khí 1 → ngăn hiếu khí 2 (bùn một phần được tuần hoàn về bể thiếu khí, phần còn lại được hút về bể chứa bùn, định kỳ được xe chuyên dụng hút vận chuyển đi xử lý theo quy định) → ngăn khử trùng → Mương phía Nam dự án. Nước thải sau xử lý đạt cột A theo QCVN 14:2008/BTNMT với k=1,0 trước khi thoát ra mương phía Nam dự án bằng cống HDPE D90, cao độ cửa xả +1,50m, tọa độ điểm xả thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 30): X(m) = 2282515; Y(m) = 591318, lưu lượng xả thải lớn nhất 43, 5m³/ngày.đêm (theo văn bản số 972/SNN-TL ngày 29/7/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

** Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn*

- Hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải;
- Hướng thoát nước: từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam sau đó thoát ra mương tiêu phía Nam dự án.

- Sử dụng rãnh B400, B1000 cho tải trọng vỉa hè hoặc A400, A1000 cho tải trọng HL93. Kết cấu bằng gạch xây vữa XM M75, trên đây tấm đan BTCT lắp ghép.

- Hoàn trả mương đất hiện trạng bằng cống BTCT B1000 (chiều dài 277m), cống chịu lực A1000 (chiều dài 76m) và cống BTCT D1000 (chiều dài 20,5m).

** Biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường không khí*

- Tuân thủ nghiêm chỉnh về chiều rộng mặt cắt đường, vỉa hè. Bố trí biển cảnh báo, chỉ dẫn phân luồng giao thông, đảm bảo đường thông thoáng, giảm ùn

tắc, tránh tai nạn giao thông, hạn chế phát sinh các chất gây ô nhiễm.

- Yêu cầu xe lưu hành đúng tải trọng và đi đúng các tuyến đường quy định.

- Nguyên vật liệu tập kết các khu vực xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà dân phải được người dân che phủ để giảm thiểu khả năng phát tán bụi cũng như chất ô nhiễm khác ra môi trường.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Rác thải sinh hoạt của công nhân xây dựng: Bố trí 02 thùng nhựa đựng rác sinh hoạt có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng tại khu vực lán trại của công nhân và hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển và đổ thải theo quy định với tần suất 02 ngày/lần.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Đất hữu cơ: Khối lượng đất bóc hữu cơ mặt ruộng tận dụng trồng cây xanh khoảng 1.515,43 m³, khối lượng đất bóc hữu cơ còn lại khoảng 1.803,11 m³ được vận chuyển về vị trí bãi đổ thải tại thửa số thửa đất số 102, tờ bản đồ số 06, tỉ lệ 1/2000; đo vẽ năm 2002, xã Đại Cường, huyện Kim Bảng với diện tích khoảng 1.140 m², cách dự án khoảng 150m (theo biên bản làm việc giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Kim Bảng với Ủy ban nhân dân xã Đại Cường v/v xác định vị trí, cự ly đổ đất đào bóc từ mặt ruộng, đất đá thải công trình Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Đại Cường, huyện Kim ngày 04/01/2024).

+ Khối lượng đất đá không thích hợp đào trong phạm vi thực hiện dự án dự kiến khoảng 8.577,04 m³ trong đó khối lượng đất, đá, không thích hợp tận dụng vào dự án là 4.923,46 m³, khối lượng còn lại khoảng 3.653,58 m³ được vận chuyển về vị trí bãi đổ thải tại thửa số thửa đất số 103, 105, 107, 242, 220, 131, 115 tờ bản đồ số 06, tỉ lệ 1/2000; đo vẽ năm 2002, xã Đại Cường, huyện Kim Bảng với diện tích khoảng 4.768 m², cách dự án khoảng 150m (theo biên bản làm việc giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Kim Bảng với Ủy ban nhân dân xã Đại Cường v/v xác định vị trí, cự ly đổ đất đào bóc từ mặt ruộng, đất đá thải công trình Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Đại Cường, huyện Kim ngày 04/01/2024).

+ Đối với chất thải xây dựng khác: Thực hiện tuân thủ theo các quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chất thải nguy hại: Bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại dạng container 10 feet đặt gần khu lán trại của công nhân và bố trí 7 thùng chứa dung tích 120 lít/thùng để lưu giữ chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị dịch vụ có đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.2.2. Trong giai đoạn hoạt động

- Chất thải sinh hoạt:

+ Rác thải sinh hoạt từ các hộ gia đình: Các hộ gia đình chịu trách nhiệm tự phân loại tại hộ. Sau đó, rác thải được đơn vị vệ sinh địa phương thu gom với tần suất 2 ngày/lần và đưa về khu vực tập kết chung của xã để đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Rác thải phát sinh từ khu vực công cộng: được các tổ chức tự quản địa phương định kỳ quét dọn và đơn vị vệ sinh của xã đưa về khu vực tập kết chung của xã để đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chất thải xây dựng: Các chủ hộ phải dọn dẹp vệ sinh, thu gom, phân loại và thuê đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Chất thải nguy hại: CTNH sẽ được thu gom, phân loại tại mỗi hộ gia đình, sau đó định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng

- Sử dụng các thiết bị có mức gây ồn thấp. Các thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn như máy khoan, máy đào... không tổ chức thi công, vận chuyển nguyên vật liệu vào dự án khoảng thời gian từ 21h - 6h và từ 11h30 - 13h. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở thiết bị.

- Sử dụng các loại xe, máy móc thi công phù hợp nhằm đảm bảo về quy chuẩn kỹ thuật tiếng ồn, giảm tốc độ của xe cộ khi qua khu vực dân cư.

4.3.2. Trong giai đoạn hoạt động

- Tuyên truyền cho các hộ dân sống trong khu vực về việc giữ trật tự tại nơi sinh sống.

- Thường xuyên kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố như: tắc vỡ đường ống thoát nước mưa, thoát nước thải.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng

* *Giám sát Môi trường không khí*

- Vị trí giám sát: 01 mẫu không khí tại khu vực dân cư hiện trạng phía Đông dự án; 01 mẫu không khí tại khu vực dân cư hiện trạng phía Tây dự án.

- Thông số giám sát: Bụi, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần, vào thời điểm có hoạt động thi công.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

* *Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại, bao gồm:*

- Giám sát khối lượng, chủng loại, thành phần chất thải phát sinh và công

tác quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển chất thải.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

- Quy định giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động

5.2.1 Giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm

** Giám sát hoạt động của trạm xử lý nước thải tạm thời*

- Vị trí quan trắc: Khu vực trạm xử lý nước thải tạm thời (Nước thải đầu vào và nước thải sau xử lý).

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, TSS, NO₃⁻, NH₄⁺, PO₄³⁻, H₂S, dầu mỡ động thực vật, Coliform, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng chất rắn hòa tan.

- Tần suất: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K = 1,0.

5.2.2. Giám sát môi trường giai đoạn vận hành chính thức

** Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*

- Giám sát khối lượng, chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển chất thải.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

- Quy định giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

** Giám sát hệ thống thoát nước mưa, nước thải*

- Các vấn đề giám sát:

- + Các hệ thống cống thu gom, hố ga thu gom nước mưa, nước thải, xử lý nước thải.

- + Sự tắc nghẽn, rò rỉ, nứt vỡ của hệ thống đường ống

- + Nạo vét hệ thống thoát nước mưa.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và khi thực hiện bảo trì, nạo vét.

** Giám sát các vấn đề môi trường khác*

- Tình trạng hoạt động của các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trong khu vực dự án.

- Tình hình thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ môi trường của dự án.

- Các rủi ro về cháy nổ, sét đánh,...

- Tần suất thực hiện: thường xuyên.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau:

6.1. Lập kế hoạch và thực hiện phương án tổ chức thi công đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông, an ninh xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.2. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác quản lý, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, lớp đất bóc hữu cơ, đất đá không thích hợp, đảm bảo cấp nước, tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh dự án trong suốt quá trình thi công xây dựng và dự án đi vào hoạt động theo quy định pháp luật liên quan.

6.3. Xe vận chuyển vật liệu chở đúng trọng tải, che chắn đầy đủ, thời gian hợp lý; thường xuyên quét dọn, phun nước giảm bụi trên đường vận chuyển, duy tu bảo dưỡng và hoàn trả đường vận chuyển nếu xảy ra tình trạng hỏng hóc.

6.4. Phải có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu bụi, tiếng ồn, độ rung để không ảnh hưởng đến hoạt động học tập của học sinh và đời sống của người dân khu vực xung quanh dự án.

6.5. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật./.